

TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ K
TỈNH AN GIANG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 29/2023/HNGĐ-ST
Ngày: 20/4/2023
“V/v tranh chấp hôn nhân và
gia đình ly hôn”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ K

- **Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thanh Ngọc

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Nguyễn Phan Thùy Trang;

2. Ông Nguyễn Văn Bằng.

- **Thư ký phiên tòa:** Bà Huỳnh Ngọc Thảo, Thư ký Tòa án nhân dân thành phố K, tỉnh An Giang.

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố K, tỉnh An Giang tham gia phiên tòa:** Bà Huỳnh Thị Bích Vân - Kiểm sát viên.

Ngày 20 tháng 4 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố K xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 25/2023/TLST-HNGĐ ngày 03 tháng 02 năm 2023 về “*Tranh chấp hôn nhân và gia đình ly hôn*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 62/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 28 tháng 3 năm 2023 và Quyết định hoãn phiên tòa số 51/2023/QĐST-HNGĐ ngày 13 tháng 4 năm 2023, giữa các đương sự:

1. **Nguyên đơn:** Bà Nguyễn Mỹ Q, sinh năm 1991; địa chỉ: tổ 6, khóm C3, phường P, thành phố K, tỉnh An Giang.

2. **Bị đơn:** Ông Nguyễn Thanh G, sinh năm 1979; địa chỉ: tổ 9, khóm C5, phường P, thành phố K, tỉnh An Giang.

Bà Q, ông G có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn bà Nguyễn Mỹ Q trình bày: Vào năm 2016, bà Q và ông G tự tìm hiểu, quen biết và chung sống với nhau như vợ chồng nhưng không đăng ký kết hôn. Quá trình chung sống hạnh phúc, đến tháng 6/2022, vợ chồng phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống, thường xuyên cãi vã, ngoài ra ông G có tính gia trưởng và xúc phạm đến sức khỏe bà Q. Mặc dù, bà Q nhiều lần bỏ qua để vợ

chồng chung sống với nhau nhưng ông G vẫn không thay đổi. Tình cảm vợ chồng không thể hàn gắn nên bà Q yêu cầu ly hôn với ông G.

Về con chung: Trong thời gian sống chung, bà Q và ông G có 01 (một) con chung tên Nguyễn Thanh Cát TG, sinh ngày 29/4/2022 hiện đang sống cùng bà Q. Bà Q yêu cầu nuôi dạy con chung, không yêu cầu ông G cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung, nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Theo biên bản lời khai cung cấp trong quá trình giải quyết vụ án bị đơn ông Nguyễn Thanh G trình bày: Thống nhất về thời gian và điều kiện đi đến hôn nhân như bà Q trình bày. Quá trình chung sống vợ chồng hạnh phúc, đến tháng 01/2023 phát sinh mâu thuẫn do ông G nghi ngờ bà Q có nhắn tin và điện thoại cho người đàn ông khác, ngoài ra giữa ông và Q còn mâu thuẫn về tiền bạc và có xảy ra cãi vã. Cuộc sống chung không hòa hợp, tình cảm vợ chồng không thể hàn gắn nên đồng ý ly hôn theo yêu cầu của bà Q.

Về con chung: Thống nhất với lời trình bày của bà Q vợ chồng có 01 (một) con chung tên Nguyễn Thanh Cát TG, sinh ngày 29/4/2022 hiện đang sống cùng bà Q. Ông G đồng ý giao con chung cho bà Q nuôi dạy và không cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bà Nguyễn Mỹ Q và ông Nguyễn Thanh G chung sống với nhau vào năm 2016 nhưng không đăng ký kết hôn là vi phạm Điều 9 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Tòa án không hòa giải về hôn nhân; chỉ hòa giải về con chung, tài sản chung, nợ chung.

* Tại phiên tòa:

- Chủ tọa công bố lại lời khai của nguyên đơn, bị đơn.

- Phát biểu của Kiểm sát viên:

+ Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký: Thẩm phán được phân công thụ lý giải quyết vụ án thực hiện đúng quy định tại Điều 48 Bộ luật Tố tụng dân sự. Xác định thẩm quyền thụ lý, quan hệ pháp luật tranh chấp, tư cách pháp lý của đương sự, thu thập đầy đủ tài liệu chứng cứ để làm căn cứ giải quyết vụ án và lập hồ sơ đúng theo quy định tại các Điều 195, 196, 198 và 203 Bộ luật Tố tụng dân sự; Hội đồng xét xử và thư ký đã tuân theo đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự về xét xử sơ thẩm vụ án.

+ Việc chấp hành pháp luật tố tụng của người tham gia tố tụng: Nguyên đơn, bị đơn thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ theo quy định của pháp luật. Tại phiên tòa, nguyên đơn, bị đơn có yêu cầu xét xử vắng mặt nên Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt nguyên đơn, bị đơn là đúng quy định tại các Điều 227, 228 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

+ Ý kiến về việc giải quyết vụ án:

Căn cứ các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, diễn biến tại phiên tòa, có cơ sở xác định, giữa bà Q và ông G tự tìm hiểu, yêu thương tiến đến hôn nhân nhưng đến nay chưa không đăng ký kết hôn. Do đó, căn cứ theo quy định tại khoản 1 Điều 14 và khoản 2 Điều 53 Luật hôn nhân gia đình năm 2014, không công nhận bà Q và ông G là vợ chồng.

Về con chung: Bà Q yêu cầu nuôi dưỡng con chung tên Nguyễn Thanh Cát TG (sinh ngày 29/4/2022) và không yêu cầu ông G cấp dưỡng nuôi con. Ông G đồng ý với yêu cầu của bà Q. Do đó, việc giao con chung Cát TG cho bà Q nuôi dưỡng là phù hợp với quy định pháp luật, ghi nhận sự tự nguyện của bà Q về việc không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung, nợ chung: Đương sự thống nhất không có, không yêu cầu nên không đề cập.

Căn cứ khoản 1 Điều 14, khoản 2 Điều 53, Điều 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn: không công nhận bà Q và ông G là vợ chồng; bà Q được nuôi dạy con chung Nguyễn Thanh Cát TG (sinh ngày 29/4/2022); ông G không cấp dưỡng nuôi con.

Từ những phân tích nêu trên, đề nghị Hội đồng xét xử xem xét quyết định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

**Về tố tụng:*

Về thẩm quyền: Bà Nguyễn Mỹ Q khởi kiện yêu cầu ly hôn với ông Nguyễn Thanh G. Ông G có nơi cư trú trên địa bàn thành phố K. Xét, đây là tranh chấp về hôn nhân và gia đình thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố K theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015.

**Về nội dung:*

[1] Quan hệ hôn nhân, bà Nguyễn Mỹ Q và ông Nguyễn Thanh G tự tìm hiểu, quen biết và chung sống với nhau như vợ chồng vào năm 2016, không đăng ký kết hôn.

Theo giấy xác minh ngày 15/02/2023 của Ủy ban nhân dân phường P, thành phố K, tỉnh An Giang: qua kiểm tra sổ bộ kết hôn lưu giữ không tìm thấy thông tin bà Nguyễn Mỹ Q và ông Nguyễn Thanh G đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường P, thành phố K.

Tại khoản 1 Điều 14 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 quy định: “*Nam, nữ có đủ điều kiện kết hôn theo quy định của Luật này chung sống với*

nhau như vợ chồng mà không đăng ký kết hôn thì không làm phát sinh quyền và nghĩa vụ của vợ chồng”.

Bà Nguyễn Mỹ **Q** và ông Nguyễn Thanh **G** chung sống với nhau như vợ chồng từ năm 2016 cho đến nay, có đủ điều kiện kết hôn nhưng không đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật nên không làm phát sinh quyền, nghĩa vụ giữa vợ và chồng. Xét, không công nhận bà Nguyễn Mỹ **Q** và ông Nguyễn Thanh **G** là vợ chồng theo quy định tại khoản 2 Điều 53 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

[2] Về con chung: Bà Nguyễn Mỹ **Q** và ông Nguyễn Thanh **G** cùng thống nhất: Trong thời gian chung sống, bà **Q** và ông **G** có 01 (một) con chung tên Nguyễn Thanh Cát **TG**, sinh ngày 29/4/2022 hiện nay đang sống cùng bà **Q**, để đảm bảo điều kiện chăm sóc và nuôi dạy tốt cho cháu **TG**, bà **Q** yêu cầu được tiếp tục nuôi dạy cháu **TG**, không yêu cầu ông **G** cấp dưỡng nuôi con chung. Ông **G** cũng đồng ý giao cháu **TG** cho bà **Q** tiếp tục nuôi dạy và không cấp dưỡng nuôi con chung. Việc thỏa thuận của các đương sự không trái đạo đức xã hội, không trái quy định pháp luật và phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 nên chấp nhận. Giao cháu Nguyễn Thanh Cát **TG**, sinh ngày 29/4/2022 cho bà **Q** tiếp tục nuôi dạy; ông **G** không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Bà Nguyễn Mỹ **Q** cùng các thành viên gia đình (nếu có) không được cản trở ông Nguyễn Thanh **G** trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

Vì lợi ích của con, theo yêu cầu của người thân thích của con, cơ quan có thẩm quyền, Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con, buộc cấp dưỡng nuôi con chung dựa trên các căn cứ do pháp luật quy định.

[4] Về tài sản chung và nợ chung: Bà Nguyễn Mỹ **Q** và ông Nguyễn Thanh **G** cùng thống nhất không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: bà Nguyễn Mỹ **Q** phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân sơ thẩm nhưng được khấu trừ vào số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí mà bà **Q** đã nộp. Ông Nguyễn Thanh **G** không phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng khoản 1 Điều 14, khoản 2 Điều 53, Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84 và Điều 131 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014; Điều 147 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án;

[1] Về quan hệ hôn nhân: Không công nhận bà Nguyễn Mỹ **Q** và ông Nguyễn Thanh **G** là vợ chồng.

[2] Về con chung: Bà Nguyễn Mỹ **Q** được nuôi dạy con chung Nguyễn Thanh Cát **TG**, sinh ngày 29/4/2022. Ông Nguyễn Thanh **G** không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Bà Nguyễn Mỹ **Q** cùng các thành viên gia đình (nếu có) không được cản trở ông Nguyễn Thanh **G** trong việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục các con.

Vì lợi ích của con, theo yêu cầu của người thân thích của con, cơ quan có thẩm quyền, Toà án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con, buộc cấp dưỡng nuôi các con chung dựa trên các căn cứ do pháp luật quy định.

[3] Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm:

Bà Nguyễn Mỹ **Q** phải chịu 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng án phí hôn nhân sơ thẩm nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí hôn nhân sơ thẩm đã nộp là 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng theo biên lai số 0003028 ngày 03 tháng 02 năm 2023 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố K. Bà Nguyễn Mỹ **Q** đã nộp đủ án phí.

Ông Nguyễn Thanh **G** không phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm.

[4] Về thời hạn kháng cáo:

Thời hạn kháng cáo của bà Nguyễn Mỹ **Q** và ông Nguyễn Thanh **G** là 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tổng đạt hợp lệ để yêu cầu Toà án nhân dân tỉnh An Giang xét xử phúc thẩm.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Viện kiểm sát TPCĐ (2);
- Tòa án tỉnh An Giang (1);
- Thi hành án DS TPCĐ (1);
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ (1);
- Lưu văn phòng (1).

TM/ HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Thanh Ngọc